

Bản án số: 71/2023/HC-PT

Ngày: 20 - 02 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định bồi thường,
hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất;
Quyết định giải quyết khiếu nại về đất
đai, bồi thường hỗ trợ theo giá thị
trường.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 581/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai; buộc bồi thường, hỗ trợ theo giá thị trường”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3104/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 352/10 đường 21/8, khu phố X4, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tấn C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Huỳnh Kiến T1 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận (có mặt)

2/Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3/Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền Uỷ ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P: Ông Trần Ngọc Q – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Uỷ ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P: Ông Nguyễn H1 – Phó Phòng tài nguyên và môi trường thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Đào Văn C2, sinh năm 1956 (đã chết)

2/Bà Đào Thị Đoan T3, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3/Ông Đào Trung Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 352/10 đường 21/8, khu phố X4, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Đoàn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – Bà Đoàn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/Hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Đoàn Thị N khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

2/Hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu).

3/Hủy Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N lần hai).

4/Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bồi thường, hỗ trợ theo giá thị trường vào thời điểm khiếu kiện.

Lý do và căn cứ khởi kiện:

Bà Đoàn Thị N có 360m² đất bị thu hồi, thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường M3, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX221329, sổ vào sổ cấp CH03793 do Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp ngày 20/01/2015.

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố P thì tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ cho bà N là 196.179.520 đồng,

tính ra mỗi mét vuông đất chỉ có giá khoảng 545.000 đồng/m². Trong khi hiện nay đất nông nghiệp tại vị trí này giao dịch ở mức khoảng 10.000.000 đồng/m². Hiện đất ở tại vị trí tương đương mặt tiền đường Y giao dịch ở mức 40 triệu đồng đến 60 triệu đồng/m² thì ngay sau khi Nhà nước thu hồi giao cho chủ đầu tư thì lô đất của bà N có giá trị từ 14 tỷ đồng đến 22 tỷ đồng thì mức bồi thường 196.179.520 đồng là quá rẻ, quá thấp, không phù hợp với giá thị trường và không tương xứng với giá trị mà người đang sử dụng đất được hưởng.

Ủy ban nhân dân thành phố P cũng không xét đến quá trình cải tạo đất, san lấp mặt bằng để tài sản hiện bằng phẳng đẹp như hiện tại. Vào năm 2016, gia đình bà có san lấp mặt bằng (do thời điểm mua vị trí đất thấp hơn đường Y khoảng 2m) với tổng số đất là 720m³ = 60m x 6m x 2m. Với tổng tiền công và tiền đất đổ hết 130.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P thì mức bồi thường mang tính cào bằng, không xét đến yếu tố vị trí, lợi thế thương mại lô đất của bà. Lô đất của bà nằm tại mặt tiền đường Y hiện hữu được coi là con đường giáp biển đẹp nhất Ninh Thuận, vị trí thuận tiện trong kinh doanh, thông thương, không cần xây dựng hạ tầng vì đã đồng bộ theo đường Y. Do đó giá trị phải cao hơn các vị trí khác không phải là mặt tiền đường Y.

Mặc dù bà đã có đơn khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét chưa thấu đáo và hợp tình, hợp lý cho trường hợp của bà. Cụ thể tại điểm c khoản 2 mục III Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2) nêu:

“...Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sản xuất nông nghiệp hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 300m² đất trở xuống, có nhu cầu đất ở thì được Nhà đầu tư xem xét giao 01 lô đất theo diện nhu cầu”.

Rõ ràng ở đây diện tích đất thu hồi của bà là 360m² là lớn hơn 300m² thì thiệt hại của bà sẽ lớn hơn, đồng thời hiện nay bà đang có nhu cầu đất ở nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P không hỗ trợ cho bà là chưa phù hợp.

Dự án thu hồi đất không phải là mục đích an ninh, quốc phòng hay mục đích công cộng mà là thu hồi để giao cho nhà đầu tư để phân lô bán nền sau khi đầu tư hạ tầng, do đó phải xác định theo giá thị trường.

Hiện nay, bà đã 67 tuổi, hiện là giáo viên nghỉ hưu nhưng bà vẫn phải chăm con trai là Đào Trung Đ, sinh năm 1980 có hộ khẩu tại số 352/10 đường 21/8, khu phố X4, phường P ở chung với mẹ kể từ năm 2008 đến nay do cháu bị bệnh không tự nuôi bản thân, ngoài ra bà vẫn trồng Dừa, trồng Táo để kiếm thêm thu nhập nuôi con, lo chữa chạy bệnh cho con trai. Hoàn cảnh của bà vô cùng khó khăn và xét ở yếu tố sản xuất nông nghiệp thì bà vẫn có sản xuất nông

nh nghiệp nhưng cũng không được xem xét hỗ trợ giao đất chuyển đổi nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 60/QĐ UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

“Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất theo diện chuyển đổi nghề quy định tại phương án này (hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 300m² trở lên) có nhu cầu nhận đất ở thì được nhận theo diện chuyển đổi nghề, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định”.

Hoặc giải quyết cho bà theo điểm c khoản 2 mục III Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2):

“...Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sản xuất nông nghiệp hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 300m² đất trở xuống, có nhu cầu đất ở thì được nhà đầu tư xem xét giao 01 lô đất theo diện nhu cầu”.

Kể từ khi có Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/09/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Đoàn Thị N của thì bà đã có khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết khiếu nại lần đầu số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 với kết quả là không chấp nhận khiếu nại. Sau đó, bà tiếp tục khiếu nại lần hai và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết khiếu nại số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 với nội dung là tiếp tục không chấp nhận khiếu nại của bà, do đó, bà khởi kiện ra Tòa án.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang Tháp Chàm trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp – Ông Nguyễn H1 trình bày:

1. Về việc hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Đoàn Thị N đang sử dụng đất tại phường M3 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Về nguồn gốc đất. Thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 360m², loại đất bằng trồng cây hàng năm khác; tương ứng với thửa đất số 1388, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 360m² loại đất trồng cây hàng năm khác, được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX221329 ngày 20/01/2015. Hiện trạng thửa đất trồng cây Dầu lại, thửa đất thu hồi hết diện tích, hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm và không di chuyển chỗ ở

Thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2). Ngày 12/10/2015, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo thu hồi đất số 984/TB-UBND đối

với hộ bà Đoàn Thị N, thửa đất số 46f, tờ bản đồ 8, diện tích dự kiến thu hồi 374,7m² để thực hiện dự án khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Ngày 13/9/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M3 lập biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường đối với thửa đất của hộ bà Đoàn Thị N đang sử dụng, tại thời điểm kiểm kê, hiện trạng có xác nhận của hộ bà Đoàn Thị N và phường M3.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: “d. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung, dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”; Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó có dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Căn cứ Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây: “1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này”. “2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”, “3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án”. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P trong đó có dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2012 quy định thẩm quyền thu hồi đất như sau: Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

Ngày 29/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông (bà) Đoàn Thị N sử dụng tại phường M3 để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu đô thị biển B – N4 (Khu K2) với diện tích 360m², thửa đất số 138, tờ bản đồ số 07, đất bằng trồng cây hàng năm khác tại phường M3. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đoàn Thị N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2) với tổng số tiền bồi thường: 196.179.520 đồng, gồm có:

Bồi thường về đất trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố Phan Rang Tháp Chàm là: 360m² x 180.000 đồng = 64.800.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc: 1.379.520 đồng; hoa màu: 400.000 đồng

Hỗ trợ 3 lần giá đất nông nghiệp là: $360\text{m}^2 \times 3 \times 120.000 \text{ đồng} = 129.600.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Căn cứ Bảng giá các loại đất kỳ 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận) quy định như sau: “giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P, có đơn giá là 120.000 đồng/m^2 ”.

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2) và Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau: “Giá đất của thửa đất cần định giá: Giá đất trong Bảng giá các loại đất kỳ 2015 – 2019 x Hệ số điều chỉnh đất giá đất”.

Đối với đất trồng cây hàng năm: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 2,57 lần, tương ứng với giá đất cụ thể là 180.000 đồng/m^2 , Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND và Quyết định số 676/QĐ-UBND cùng ngày 29/9/2020 và việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị N là phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

2. Về việc hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu).

Ngày 29/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông (bà) Đoàn Thị N sử dụng tại phường M3 để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2) với diện tích 360m^2 , thửa đất số 138, tờ bản đồ số 07, đất bằng trồng cây hàng năm khác.

Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đoàn Thị N khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Không đồng ý với Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, bà Đoàn Thị N gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố P. Ngày 27/01/2021, Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức buổi đối thoại trực tiếp với bà Đoàn Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: “Giải quyết khiếu

nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình”. Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 02/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 534/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu). Tại Điều 1 Quyết định giải quyết như sau:

- Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Đoàn Thị N;
- Giữ nguyên nội dung Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngày 28/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần hai) có nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Đối chiếu với quy định nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) đối với hộ bà Đoàn Thị N là đúng theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục, nội dung luật định.

Từ những nội dung trên, yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N là không có cơ sở. UBND và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giữ nguyên các quan điểm trình bày đã gửi Tòa án. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp – Ông Trần Huỳnh Kiến T1 trình bày:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Ngày 20/01/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị N diện tích 360m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa đất 138, tờ bản đồ số 08 phường M3.

Ngày 12/7/2019, Hội đồng tư vấn đất đai phường M3 họp xét các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi từ 300m² trở lên để bố trí đất ở diện chuyển đổi nghề khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2), xác định: *“bà Đoàn Thị N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; bà là giáo viên, không đủ điều kiện để xem xét bố trí chuyển đổi nghề bằng đất ở”*.

Ngày 19/3/2021, Thanh tra tỉnh phối hợp phường M3 kiểm tra hiện trạng thửa đất thu hồi của bà Đoàn Thị N, xác định trên đất có: 01 nền măng 10 cây Dầu lai, 04 trụ bê tông cốt thép; trên đất không có nhà ở.

2. Việc thu hồi, bồi thường đất

Thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2), ngày 13/9/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M3 tiến hành kiểm kê đo đạc hiện trường thửa đất của bà N, qua đó xác định: Diện tích đất thu hồi 360m²; hiện trạng đất trống không có nhà ở, trên đất có 10 Dầu lai, 04 trụ bê tông.

Ngày 29/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND thu hồi diện tích 360m² đất bằng trồng cây hàng năm khác (thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 08) do hộ bà N đang sử dụng tại phường M3 để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2).

Đồng thời, ngày 29/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị N với tổng số tiền là 196.179.520 đồng, gồm:

- Bồi thường diện tích 360m² đất trồng cây hàng năm khác với số tiền là 64.800.000 đồng;
- Bồi thường tài sản, vật kiến trúc với số tiền là 1.379.520 đồng;
- Bồi thường hoa màu, cây trồng với số tiền là 400.000 đồng;
- Các khoản hỗ trợ với số tiền là 129.600.000 đồng.

Sau khi nhận được Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, bà Đoàn Thị N đã khiếu nại yêu cầu giao 01 lô đất ở cho hộ bà. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 534/QĐ- UBND ngày 05/02/2021 nội dung: *“Không chấp thuận nội dung khiếu nại của bà Đoàn Thị N; giữ nguyên nội dung Quyết định số 676/QĐ UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố”*.

3. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, bà Đoàn Thị N tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu giao 01 lô đất ở cho hộ bà.

Qua kiểm tra, xác minh và rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc và căn cứ quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy: Tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang Tháp Chàm ban hành thông báo thu hồi đất (năm 2015); trên đất của bà N có hiện trạng là đất trống, không có nhà ở trên đất, qua xác minh bà N có nhà ở tại khu phố 4, phường Phước Mỹ, thành phố P.

Vì vậy, việc bà N yêu cầu giao 01 lô đất ở là không có cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *“Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê,*

cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất...” và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung: “...Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện để bồi thường về đất ở, nếu không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường nơi có đất thu hồi thì được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/05/2014, giả đất ở tính tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định...”.

Từ các căn cứ trên, ngày 28/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần hai) có nội dung. *“Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1714/QĐ- UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N là đúng quy định”.*

Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu) và Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của Đoàn Thị N (lần hai) là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ nguyên các quan điểm trình bày đã gửi Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Đào Thị Đoan T3, ông Đào Trung Đ trình bày:

Theo đơn gửi Tòa án, bà Đào Thị Đoan T3, ông Đào Trung Đ đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc:

- Hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Đoàn Thị N khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2);

- Hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bồi thường, hỗ trợ

theo giá thị trường vào thời điểm khiếu kiện.

2. Không hủy: Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất do hộ ông (bà) Đoàn Thị N sử dụng tại phường M3 để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2022 người khởi kiện bà Đoàn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đoàn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy các quyết định có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất do giá bồi thường quá thấp, chưa xem xét tiền san lấp mặt bằng cho bà. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người khởi kiện trình bày: Phần diện tích đất bà bị thu hồi là 360m², nhưng giá bồi thường hơn 190 triệu đồng là không thỏa đáng cho gia đình bà, tiền lương hưu trí là chế độ cho thời gian giảng dạy hơn 30 năm của bà nên việc Ủy ban nhân dân cho rằng bà không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi thu hồi đất là không đúng. Khi mua đất thì mặt bằng không bằng phẳng nên bà mới san lấp. Bà yêu cầu được bồi thường theo giá cao hơn, yêu cầu được chính sách bồi thường như người có đất nông nghiệp bị thu hồi khác.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Dự án này không phải dự án thương mại, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của luật đất đai. Khi bồi thường Ủy ban nhân dân tỉnh đã áp dụng các chính sách bồi thường cho người dân, điều kiện được áp dụng chuyển đổi nghề thì phải là người sản xuất đất nông nghiệp có diện tích thu hồi trên 300m². Nếu nhân khẩu trong hộ khẩu bà N có người sản xuất nông nghiệp thì bà N được áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, nhưng nhân khẩu trong hộ bà N không có. Việc bà N tự ý san lấp đất nông nghiệp là sai nên yêu cầu bồi thường tiền san lấp là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ bảng giá đất định kỳ trên địa bàn ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định 85/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định bồi thường cho bà N là đúng quy định pháp luật.

Theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân thì bà N không có sản xuất đất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập trực tiếp từ nông nghiệp. Ông Đ có hộ

khẩu riêng, được xác nhận là người sản xuất đất nông nghiệp nên bà N không đủ điều kiện được áp dụng chính sách chuyển đổi nghề là không có căn cứ chấp nhận.

Yêu cầu khởi kiện của bà N về việc hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ, quyết định giải quyết khiếu nại là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2), ngày 29/9/2020 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND thu hồi diện tích 360m² đất bằng trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 08 của hộ bà Đoàn Thị N. Ngày 29/9/2020 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N với các nội dung như sau:

- Bồi thường diện tích 360m² đất trồng cây hàng năm khác với số tiền là 64.800.000 đồng;
- Bồi thường tài sản, vật kiến trúc với số tiền là 1.379.520 đồng;
- Bồi thường hoa màu, cây trồng với số tiền là 400.000 đồng;
- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, mức hỗ trợ không quá 5 lần hạn mức giao đất ở là 129.600.000 đồng.

Sau khi có Quyết định số 676/QĐ-UBND, bà N có khiếu nại với 02 yêu cầu: (i) Yêu cầu được nâng giá bồi thường theo giá thị trường, (ii) Được xem xét hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp như các hộ gia đình khác tại địa phương có diện tích bị thu hồi hơn 300m².

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 bác khiếu nại của bà N với các lý do:

- Căn cứ Bảng giá các loại đất kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận), Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 07/4/2020, Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 85/QĐ-UBND thì giá bồi thường theo Quyết định số 676/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật.

- Căn cứ Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bà Đoàn Thị N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương và không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp nên không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND và các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

[3.1] Xét yêu cầu của bà N về giá bồi thường:

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bảng giá các loại đất kỳ 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Quyết định số 85/QĐ-UBND 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2); Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Quyết định số 85/QĐ-UBND 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà N theo giá Nhà nước là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, theo nội dung nêu tại mục [2] thì Quyết định 676/QĐ-UBND không có nội dung liên quan đến việc có hỗ trợ hay không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đề nghị hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu về việc được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Khi xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với bà N theo đơn khiếu nại, người bị kiện đã áp dụng quy định của Luật đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành và văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

Thứ nhất, theo khoản 3 Điều 1 Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

“Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất theo diện chuyển đổi nghề quy định tại phương án này (hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 300m² trở lên) có nhu cầu nhận đất ở thì được nhận theo diện chuyển đổi nghề, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định”.

Và điểm c khoản 2 mục III Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2):

“...Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sản xuất nông nghiệp hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 300m² đất trở xuống, có nhu cầu đất ở thì được nhà đầu tư xem xét giao 01 lô đất theo diện nhu cầu”.

Thứ hai, ngày 12/7/2019, Hội đồng tư vấn đất đai phường M3 họp xét các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi từ 300m² trở lên để bố trí đất ở diện chuyển đổi nghề khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2), xác định: *“bà Đoàn Thị N không trực tiếp sản xuất nghiệp; bà là giáo viên, không đủ điều kiện để xem xét bố trí chuyển đổi nghề bằng đất ở”*. Mặc dù phần đất bà N bị thu hồi có diện tích 360m², nhưng không được xem xét hỗ trợ như các hộ gia đình khác tại địa phương có diện tích bị thu hồi hơn 300m².

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Các căn cứ pháp luật được áp dụng khi giải quyết khiếu nại của Nga về việc yêu cầu được hỗ trợ chuyển đổi nghề như sau:

- Theo Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm”*.

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn về việc xác định cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 như sau:

“2. Các căn cứ để xác định cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận;

b) Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;

Theo quy định tại điểm a nêu trên thì người trực tiếp sản xuất nông nghiệp là người được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Vì bà N đã được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX221329 ngày 20/01/2015 đối với diện tích đất bị thu hồi, loại đất trồng cây hàng năm, nên đủ điều kiện được xác định là trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân thu hồi đất nhưng không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho bà N theo quy định tại Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 là sai. Mặt khác, xét về việc áp dụng Khoản 2 Điều 3 Thông tư 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 thì khi đối tượng được áp dụng không thuộc quy định tại điểm a Khoản 2 thì mới xem xét đến điểm b Khoản 2. Do đó, Ủy ban nhân dân không xem xét bà N có đủ

điều kiện theo điểm a Khoản 2 hay không, mà đã áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 3 là không đúng nguyên tắc áp dụng pháp luật.

Hơn nữa, nếu căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Thông tư 33/TT-BTNMT (đã trích dẫn ở phần trên) thì các trường hợp được xác định là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp gồm những đối tượng sau: Trường hợp thứ nhất là “*Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên*” (sau dấu (,)); trường hợp thứ hai là “*Đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội*”. Theo quy định này thì bà N vẫn được xác định là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Do vậy, người bị kiện cho rằng bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề là không đúng quy định pháp luật. Đây cũng là thể hiện sự phù hợp không mâu thuẫn giữa các điểm được quy định trong cùng một điều luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định 534/QĐ-UBND và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định 2414/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà N về việc được xem xét hỗ trợ chuyển đổi nghề là không đúng. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đề nghị hủy 02 quyết định này.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo các nội dung đã nhận định nêu trên.

[5] Án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Đoàn Thị N không phải chịu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đoàn Thị N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đoàn Thị N; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Áp dụng Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N:

- Hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N (lần hai);

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thực hiện việc giải quyết lại yêu cầu khiếu nại của bà Đoàn Thị N về việc xem xét hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích bị thu hồi.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc hủy Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Đoàn Thị N khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị biển B – N4 (Khu K2)

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị N không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 489 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị N không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 21b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên